UBND TỈNH LÀO CAI
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 4275604886
Chứng nhận lần đầu: ngày 30 tháng 6 năm 2026

Căn cứ Luật Đầu tư số 143/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 96/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 55/2026/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số số 2170/QĐ-UBND ngày 23/6/2026 của UBND tỉnh Lào Cai;

Căn cứ Quyết định số 17/2025/QĐ-UBND ngày 08/8/2025 của UBND tỉnh Lào Cai quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Lào Cai;

Căn cứ văn bản số 50/2026/CV-LC ngày 25/6/2026 của Công ty Cổ phần đầu tư phát triển công nghiệp Lào Cai đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Bản Qua và hồ sơ kèm theo do Công ty Cổ phần đầu tư phát triển công nghiệp Lào Cai nộp ngày 29/6/2026;

Xét Phiếu trình xử lý công việc ngày 30/6/2026 của Phòng Quản lý Quy hoạch, Xây dựng và Đầu tư.

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH LÀO CAI

Chứng nhận nhà đầu tư:

Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần đầu tư phát triển công nghiệp Lào Cai.

Loại hình tổ chức kinh tế: Công ty Cổ phần.

Địa chỉ trụ sở: Số 405, đường Trần Hưng Đạo, phường Cam đường, tỉnh Lào Cai.

Mã số thuế: 5300828932

Điện thoại: 0898129994 Email: laocaiidi@gmail.com

Thông tin về người đại diện theo pháp luật:

Họ tên: Phạm Quốc Việt Giới tính: Nam

Ngày sinh: 08/12/1994 Quốc tịch: Việt Nam

Chức danh: Tổng Giám đốc Số định danh cá nhân 031094008314

Địa chỉ liên hệ: Số nhà 61, đường Hàm Nghi, phường Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

Điện thoại: 0898121994 Email: viet.pham@laocaiip.vn

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1. Nội dung dự án đầu tư:

1. Tên dự án đầu tư: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Bản Qua.

2. Mục tiêu của dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp sinh thái với các mục tiêu hoạt động cụ thể như sau:

TT	Mục tiêu hoạt động	Mã ngành theo VSIC
1	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Mục tiêu chính)	6810
2	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (trừ hoạt động đấu giá tài sản)	6820
3	Hoạt động tư vấn quản lý gồm: hướng dẫn và trợ giúp điều hành doanh nghiệp	7020

3. Quy mô của dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Bản Qua với quy mô 76,39ha, đáp ứng tiêu chuẩn của Khu công nghiệp sinh thái.

4. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

5. Diện tích mặt đất, mặt nước sử dụng (nếu có): 76,39ha

6. Tổng vốn đầu tư của dự án: 1.360.668.000.000 đồng *(bằng chữ: Một nghìn ba trăm sáu mươi tỷ, sáu trăm sáu mươi tám triệu đồng chẵn)*, trong đó:

+ Vốn góp của nhà đầu tư: 205.000.000.000 đồng (chiếm 15,07% tổng vốn đầu tư).

+ Vốn vay: 1.155.668.000.000 đồng (chiếm 84,93% tổng vốn đầu tư).

7. Thời hạn hoạt động của dự án: 50 năm kể từ ngày chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư (ngày 23/6/2026)

8. Tiến độ thực hiện dự án: Hoàn thành trong quý IV/2027 (dự kiến trong năm 2027 sẽ hoàn thành đầu tư xây dựng phần hạ tầng của khu công nghiệp và quý IV/2027 sẽ đưa dự án vào hoạt động chính thức, thu hút các nhà đầu tư sản xuất kinh doanh với tốc độ lập đầy khoảng 10% trong năm 2027, 50% trong năm 2028 và 100% trong năm 2029).

Điều 2: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3: Các quy định đối với nhà đầu tư thực hiện dự án

1. Nhà đầu tư phải làm thủ tục đăng ký cấp tài khoản sử dụng trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định của pháp luật.

2. Các điều kiện đối với nhà đầu tư thực hiện dự án

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác các thông tin, số liệu, nội dung trong hồ sơ dự án; chịu trách nhiệm huy động góp đủ số vốn đã đăng ký theo tiến độ bảo đảm tính khả thi của dự án.

- Tổ chức triển khai thực hiện dự án theo đúng quy định của Luật Đầu tư, Luật Xây dựng, Luật Đất đai, Luật Bảo vệ Môi trường và các quy định pháp luật hiện hành của Nhà nước và của tỉnh Lào Cai. Dự án chỉ được phép triển khai thực hiện xây dựng, khai thác, vận hành dự án khi hoàn thành các thủ tục về đầu tư, đất đai, xây dựng và các thủ tục khác có liên quan theo đúng quy định hiện hành. Sau khi hoàn thành xây dựng cơ bản phải báo cáo chính quyền địa phương, cơ quan quản lý xây dựng, môi trường và các cơ quan chuyên ngành liên quan để xác nhận đủ điều kiện đi vào hoạt động trước khi đưa toàn bộ dự án vào vận hành, hoạt động.

- Thực hiện nghiêm túc các nội dung theo Quyết định chủ trương đầu tư được cấp; thực hiện nghĩa vụ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư (ký quỹ hoặc có bảo lãnh ngân hàng về nghĩa vụ ký quỹ) ngay sau khi được cấp thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư. Đề xuất giá dịch vụ trong Khu công nghiệp trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt theo quy định.

- Tập trung mọi nguồn lực triển khai thực hiện dự án theo đúng mục tiêu, tiến độ đã được phê duyệt. Trong quá trình tồn tại của dự án, Nhà đầu tư nghiêm túc thực hiện: (i) Báo cáo giám sát đánh giá đầu tư dự án (*định kỳ hằng quý và cả năm*) gửi Sở Công thương, Ban Quản lý Khu kinh tế, Uỷ ban nhân dân xã Bát Xát để theo dõi, quản lý theo quy định. (ii) Báo cáo hoạt động đầu tư định kỳ (hằng quý, hằng năm) theo quy định tại Điều 47 Luật Đầu tư trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài; đồng thời thực hiện đăng ký cấp tài khoản và cập nhật đầy đủ thông tin, số liệu báo cáo theo quy định.

- Tuân thủ đầy đủ các quy định về giữ gìn an ninh trật tự trong khu vực; Trong quá trình thực hiện nếu phát hiện thấy vũ khí, bom đạn, vật liệu nổ và công trình quốc phòng phải trao đổi ngay với Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh và các cơ quan chức năng của địa phương để cùng phối hợp giải quyết; trường hợp nếu phát hiện có khoáng sản trong ranh giới thực hiện dự án, nhà đầu tư cần thông báo ngay cho chính quyền địa phương để được hướng dẫn xử lý theo quy định.

- Thực hiện nghiêm túc các nội dung sau: (i) Nghĩa vụ tài chính (các khoản thuế, phí,..) đối với nhà nước theo đúng quy định; (ii) Chỉ được phép triển khai thực hiện dự án trong phạm vi, ranh giới, toạ độ chủ trương đầu tư dự án được cấp, việc đầu tư xây dựng phải bảo đảm đúng quy hoạch đã được cấp thẩm quyền phê duyệt, đúng tiến độ được chấp thuận chủ trương. Thực hiện hoàn trả công trình hạ tầng kỹ thuật bị ảnh hưởng trong quá trình thi công (nếu có) theo đúng quy định của pháp luật; (iii) Tuân thủ tuyệt đối các quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn vệ sinh môi trường, không được để xảy ra tình trạng ô nhiễm môi trường, quá trình thực hiện dự án cần tạo sự đồng thuận của người dân, tránh gây bức xúc, khiếu kiện làm phức tạp tình hình an ninh trật tự xã hội tại địa phương.

Điều 4: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 02 (hai) bản gốc: Nhà đầu tư được cấp 01 bản, 01 bản lưu tại Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Lào Cai và được đăng tải lên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư; đồng thời sao gửi đến: Ủy ban Kiểm tra Tỉnh uỷ, Ban Nội chính Tỉnh uỷ, Kiểm toán Khu vực VII, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh, Thanh tra tỉnh, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công thương, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Nội vụ, Thuế tỉnh, Uỷ ban nhân dân xã Bát Xát./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Lãnh đạo Ban;
- Lưu VT, QHXD7

TRƯỞNG BAN

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH LÀO CAI

Vương Trinh Quốc

Phụ lục

BẢNG TỌA ĐỘ RANH GIỚI PHẠM VI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH KẾT CẤU HẠ TẦNG KCN BẢN QUA

(*Kèm theo Giấy chứng nhận đầu tư số 4275604886 ngày 30/6/2026 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Lào Cai*)

Tên điểm	Hệ tọa độ VN 2,000, kinh tuyến trục 104°45', múi chiếu 3°		Diện tích (m2)
Mốc	X	Y	
M1	2498697,55	407129,25	
M2	2498688,9	407135,43	
M3	2498667,33	407149,1	
M4	2498645,02	407161,57	
M5	2498622,04	407172,79	
M6	2498598,47	407182,72	
M7	2498574,36	407191,34	
M8	2498549,81	407198,6	
M9	2498524,89	407204,5	
M10	2498499,74	407209,08	
M11	2498474,47	407212,5	
M12	2498449,15	407214,92	
M13	2498423,82	407216,52	
M14	2498398,51	407217,46	
M15	2498373,27	407217,91	
M16	2498348,13	407218,05	
M17	2498323,08	407218,03	
M18	2498298,08	407218	763.876,85
M19	2498273,08	407217,97	
M20	2498248,1	407217,94	
M21	2498223,19	407217,97	
M22	2498198,36	407218,24	
M23	2498173,64	407218,9	
M24	2498149,07	407220,1	
M25	2498124,66	407222	
M26	2498100,45	407224,75	
M27	2498076,49	407228,48	
M28	2498052,83	407233,35	
M29	2498029,52	407239,47	
M30	2498006,56	407246,86	
M31	2497983,98	407255,49	
M32	2497961,73	407265,24	
M33	2497939,8	407275,95	
M34	2497918,17	407287,47	
M35	2497896,76	407299,68	

Tên điểm	Hệ tọa độ VN 2,000, kinh tuyến trục 104º45', múi chiếu 3º		Diện tích (m2)
M36	2497875,51	407312,41	
M37	2497854,39	407325,52	
M38	2497833,32	407338,86	
M39	2497812,24	407352,27	
M40	2497791,16	407365,7	
M41	2497770,07	407379,12	
M42	2497748,98	407392,55	
M43	2497709,64	407417,59	
M44	2497706,8	407419,4	
M45	2497685,71	407432,82	
M46	2497664,62	407446,25	
M47	2497643,53	407459,67	
M48	2497622,44	407473,1	
M49	2497601,35	407486,52	
M50	2497580,26	407499,94	
M51	2497559,17	407513,37	
M52	2497538,08	407526,79	
M53	2497516,99	407540,22	
M54	2497495,9	407553,64	
M55	2497474,81	407567,07	
M56	2497460,13	407576,42	
M57	2497031,93	407848,99	
M58	2497010,84	407862,42	
M59	2496989,75	407875,84	
M60	2496968,72	407889,26	
M61	2496947,84	407902,8	
M62	2496927,21	407916,56	
M63	2496906,92	407930,68	
M64	2496887,07	407945,28	
M65	2496867,76	407960,46	
M66	2496849,06	407976,34	
M67	2496830,99	407992,93	
M68	2496813,57	408010,19	
M69	2496796,81	408028,11	
M70	2496780,71	408046,68	
M71	2496765,16	408065,8	
M72	2496750,04	408085,37	
M73	2496735,24	408105,28	
M74	2496720,64	408125,45	
M75	2496706,12	408145,75	
M76	2496691,6	408166,1	

Tên điểm	Hệ tọa độ VN 2,000, kinh tuyến trục 104º45', múi chiếu 3º		Diện tích (m2)
M77	2496688,19	408170,87	
M78	2496889,04	408422,27	
M79	2497366,31	408203,63	
M80	2497488,13	408129,22	
M81	2497999,01	407726,91	
M82	2498055,54	407669,34	
M83	2498236,45	407430,83	
M84	2498378,66	407315,74	
M85	2498719	407155,98	

Tên điểm	Hệ tọa độ VN 2,000, kinh tuyến 105, múi chiếu 6º		Diện tích (m2)
Mốc	X	Y	
M1	2498125,02	381456,27	
M2	2498116,37	381462,43	
M3	2498094,77	381476,07	
M4	2498072,45	381488,5	
M5	2498049,46	381499,68	
M6	2498025,87	381509,57	
M7	2498001,76	381518,14	
M8	2497977,19	381525,36	
M9	2497952,27	381531,22	
M10	2497927,12	381535,75	
M11	2497901,85	381539,13	
M12	2497876,53	381541,51	
M13	2497851,21	381543,06	
M14	2497825,9	381543,96	763.876,85
M15	2497800,67	381544,37	
M16	2497775,53	381544,46	
M17	2497750,49	381544,41	
M18	2497725,5	381544,33	
M19	2497700,51	381544,26	
M20	2497675,53	381544,18	
M21	2497650,62	381544,18	
M22	2497625,8	381544,41	
M23	2497601,08	381545,02	
M24	2497576,51	381546,18	
M25	2497552,11	381548,04	
M26	2497527,9	381550,75	
M27	2497503,93	381554,44	

Tên điểm	Hệ tọa độ VN 2,000, kinh tuyến 105, múi chiếu 6º		Diện tích (m2)
M28	2497480,28	381559,27	
M29	2497456,96	381565,34	
M30	2497434	381572,69	
M31	2497411,41	381581,28	
M32	2497389,15	381590,99	
M33	2497367,21	381601,67	
M34	2497345,56	381613,15	
M35	2497324,13	381625,32	
M36	2497302,87	381638,01	
M37	2497281,73	381651,08	
M38	2497260,64	381664,38	
M39	2497239,55	381677,76	
M40	2497218,44	381691,15	
M41	2497197,33	381704,53	
M42	2497176,23	381717,92	
M43	2497136,86	381742,89	
M44	2497134,01	381744,69	
M45	2497112,91	381758,08	
M46	2497091,8	381771,46	
M47	2497070,69	381784,85	
M48	2497049,58	381798,24	
M49	2497028,48	381811,62	
M50	2497007,37	381825,01	
M51	2496986,26	381838,39	
M52	2496965,15	381851,78	
M53	2496944,05	381865,17	
M54	2496922,94	381878,55	
M55	2496901,83	381891,94	
M56	2496887,14	381901,26	
M57	2496458,58	382173,05	
M58	2496437,48	382186,44	
M59	2496416,37	382199,82	
M60	2496395,32	382213,21	
M61	2496374,42	382226,71	
M62	2496353,77	382240,43	
M63	2496333,47	382254,52	
M64	2496313,6	382269,07	
M65	2496294,27	382284,23	
M66	2496275,55	382300,07	
M67	2496257,45	382316,62	
M68	2496240	382333,85	

Tên điểm	Hệ tọa độ VN 2,000, kinh tuyến 105, múi chiếu 6º		Diện tích (m2)
M69	2496223,23	382351,74	
M70	2496207,1	382370,27	
M71	2496191,51	382389,36	
M72	2496176,36	382408,9	
M73	2496161,53	382428,79	
M74	2496146,9	382448,93	
M75	2496132,36	382469,2	
M76	2496117,8	382489,52	
M77	2496114,39	382494,28	
M78	2496314,77	382745,96	
M79	2496792,29	382528,17	
M80	2496914,21	382453,98	
M81	2497425,64	382052,62	
M82	2497482,26	381995,16	
M83	2497663,53	381757,01	
M84	2497805,9	381642,18	
M85	2498146,42	381483,03	

Phạm vi ranh giới dự án được chấp thuận chủ trương đầu tư là dự kiến. Ranh giới, diện tích thực tế sẽ được xác định cụ thể theo quyết định cho thuê đất để thực hiện dự án được cấp thẩm quyền phê duyệt.